TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Bùi – cán bộ hưu.

Ông Nguyễn Hữu Hòa – cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tuấn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 322/2026/TLST-HNGĐ, ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh ngày 07/08/2002; Căn cước công dân số 012302002368 cấp ngày 30/9/2021; nơi đăng ký thường trú: Bản L, xã S, tỉnh Lai Châu (xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Giáp Văn T, sinh năm 1994; Căn cước công dân số 024094010098 cấp ngày 09/01/2022; nơi cư trú: tổ dân phố H (nay là tổ dân phố S), phường T, tỉnh Bắc Ninh (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:* Chị và anh Giáp Văn T, sinh năm 1994 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2022 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh T. Thời gian chung sống hai vợ

chồng hòa thuận và có 02 con chung. Tuy nhiên thời gian về sau hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 05/2025, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị mang theo con gái thứ 2 bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Lai Châu sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Giáp Gia H, sinh ngày 16/7/2022 và Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/3/2025. Hiện nay, cháu H đang sinh sống cùng anh T tại nhà ông bà nội ở phường T, tỉnh Bắc Ninh còn cháu T1 đang sinh sống cùng chị tại gia đình nhà ngoại ở tỉnh Lai Châu. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lò Thị Phương T1 và đề nghị Tòa án giao cháu Giáp Gia H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Giáp Văn T trình bày:* Anh xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau ngày cưới, chị N về làm dâu và chung sống với gia đình nhà anh. Quá trình chung sống, hai vợ chồng chí thú làm ăn kinh doanh, thời gian sau việc kinh doanh tại quê không hiệu quả nên cả hai vợ chồng mở quán kinh doanh tại quê vợ trên Lai Châu. Đến tháng 5/2025 do bố đẻ anh ốm nên anh thu xếp về chăm sóc, còn chị N ở lại, không theo anh về do chị N và gia đình nhà anh hay có mâu thuẫn. Hai vợ chồng từ đó sống xa cách, tuy nhiên anh vẫn thường xuyên chạy đi chạy lại lên thăm vợ thường xuyên. Do vợ chồng sống xa cách nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị N cũng không về dưới V thăm con.

Trong thời gian chung sống cùng nhau vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn và thi thoảng cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt do vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống, làm ăn kinh tế và đôi khi do việc vợ anh và bố, mẹ anh không hợp nhau. Bản thân anh chưa từng đánh đập, chửi bới hay xúc phạm gì vợ anh. Nay, chị N làm đơn và kiên quyết xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Giáp Gia H, sinh ngày 16/7/2022 và Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/3/2025. Hiện nay, cháu H đang sinh sống cùng anh, còn cháu T1 đang sinh sống cùng chị N. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Giáp Gia H, sinh ngày 16/07/2022 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/03/2025 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền tổ dân phố H, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả xác minh, địa phương cung cấp:* Anh T kết hôn với chị N vào năm 2022, khi kết hôn gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị N và anh T về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại địa phương, vợ chồng chung sống hòa thuận, bảo ban nhau làm ăn sinh sống và có 02 con chung. Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị N gần đây về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh T từ tháng 5/2025 đến nay. Hiện anh T vẫn chung sống với mẹ đẻ của anh T tại tổ dân phố H, phường T. Mẹ anh T khỏe, thời gian anh T đi làm, mẹ đẻ anh T vẫn đưa đón các con chung của anh T, chị N đi học và chăm lo cơm, nước, sinh hoạt cho các cháu. Về điều kiện kinh tế, anh T hiện ở cùng nhà của bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định. Cháu Giáp Gia H là con chung của anh T, chị N hiện vẫn ở cùng gia đình anh T, khỏe mạnh và học tập bình thường.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn anh Giáp Văn T

+ Về con chung: Giao cho chị Lò Thị N trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/3/2025; giao cho anh Giáp Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Giáp Gia H, sinh ngày 16/7/2022.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị N và anh Giáp V T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lò Thị N là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Giáp Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Giáp Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 13/6/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T đều xác định vợ chồng có những bất đồng trong quan điểm sống nên hay xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến nay tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không còn quan tâm chăm sóc nhau như trước. Bản thân chị N cũng đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh T. Tòa án đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh T mong muốn chị N rút đơn, vợ chồng về đoàn tụ chung sống cùng nhau nhưng từ khi chị N làm đơn xin ly hôn, sau khi Tòa án hòa giải đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được nên anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Tòa án xác minh tại địa phương, theo chính quyền tổ dân phố H, phường T, địa phương xác nhận chị N và anh T quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ chị N sinh sống, ly thân với anh T từ tháng 5/2025 đến nay.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị

Lò Thị N được ly hôn với anh Giáp Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị N anh T có 02 con chung là cháu Giáp Gia H, sinh ngày 16/7/2022 và Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/3/2025, hiện cháu T1 đang sinh sống cùng chị N, cháu H đang sinh sống cùng anh T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N và anh T đều thống nhất giao con chung Giáp Gia H, sinh ngày 16/7/2022 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.; giao con chung Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/3/2025 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy việc thỏa thuận thống nhất của chị N, anh T về việc nuôi con chung là ý chí tự nguyện của các bên, không bị ai ép buộc, xúi giục. Thỏa thuận này phù hợp nên Hội đồng xét xử cần giao cho anh T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình,

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N, anh T đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị N và anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận nên chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Chị N, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều

227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, X:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn anh Giáp Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lò Thị Phương T1, sinh ngày 18/3/2025; giao cho anh Giáp Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Giáp Gia H, sinh ngày 16/7/2022

Chị Lò Thị N và anh Giáp Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004913 ngày 27/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Chi